

Số: 43 /2018/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018

THÔNG TƯ

Quy định một số nội dung về xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng, giống vật nuôi, nguồn gen cây trồng; nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật và nhập khẩu vật thể trong Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Pháp lệnh Giống cây trồng ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Giống vật nuôi ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định một số nội dung về xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng, giống vật nuôi, nguồn gen cây trồng; nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật và nhập khẩu vật thể trong Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định:

1. Hồ sơ, thời hạn, cơ quan cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu một số hàng hoá thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bao gồm:

a) Xuất khẩu giống cây trồng nông nghiệp có trong Danh mục giống cây trồng cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, hội chợ, triển lãm, làm quà tặng;

b) Nhập khẩu giống cây trồng nông nghiệp chưa có trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh để nghiên cứu, khảo nghiệm, sản xuất thử, hợp tác quốc tế, làm mẫu tham gia triển lãm, làm quà tặng hoặc để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư (trừ trường hợp giống cây trồng chưa có trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh nhưng đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống cây trồng nông nghiệp mới);

c) Nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp chưa có trong Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh để nghiên cứu, khảo nghiệm, trồng sản xuất thử nghiệm, làm cây cảnh, cây bóng mát, hợp tác quốc tế, làm mẫu tham gia triển lãm, làm quà tặng hoặc để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư (trừ trường hợp giống cây trồng chưa có trong Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh nhưng đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống cây trồng lâm nghiệp mới);

d) Xuất khẩu giống vật nuôi có trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học và các mục đích đặc biệt khác;

đ) Nhập khẩu tinh, phôi của giống vật nuôi lần đầu vào Việt Nam; nhập khẩu giống vật nuôi chưa có trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh để khảo nghiệm, nghiên cứu và các mục đích đặc biệt khác (trừ trường hợp giống vật nuôi chưa có trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh nhưng đã có kết quả khảo nghiệm được cơ quan quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận);

e) Nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

g) Nhập khẩu vật thể trong Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

2. Xuất khẩu, nhập khẩu nguồn gen cây trồng phục vụ nghiên cứu, trao đổi khoa học kỹ thuật.

3. Xuất khẩu giống cây trồng lâm nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với thương nhân, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy định về hồ sơ, thời hạn, cơ quan cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng nông nghiệp

1. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu giống cây trồng nông nghiệp:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu theo Mẫu số 01/TT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tờ khai kỹ thuật theo Mẫu số 02/TT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp phải đăng ký) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (đối với cá nhân);

d) Trường hợp xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, hợp tác quốc tế phải bổ sung 01 bản sao thỏa thuận hợp tác bằng tiếng nước ngoài kèm theo 01 bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật;

đ) Trường hợp xuất khẩu tham gia hội chợ, triển lãm phải bổ sung 01 bản sao Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội chợ, triển lãm bằng tiếng nước ngoài kèm theo 01 bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật;

e) Trường hợp xuất khẩu làm quà tặng phải bổ sung 01 bản sao giấy chứng nhận giữa hai bên bằng tiếng nước ngoài kèm theo 01 bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật;

2. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu giống cây trồng nông nghiệp:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu theo Mẫu số 03/TT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tờ khai kỹ thuật theo Mẫu số 04/TT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (chỉ nộp khi nhập khẩu lần đầu);

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp phải đăng ký) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (đối với cá nhân);

d) Trường hợp giống cây trồng nhập khẩu lần thứ hai trở đi để khảo nghiệm, sản xuất thử phải nộp báo cáo kết quả nhập khẩu, khảo nghiệm, sản xuất thử lần nhập trước;

đ) Trường hợp nhập khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, hợp tác quốc tế phải bổ sung 01 bản sao thỏa thuận hợp tác bằng tiếng nước ngoài kèm theo 01 bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật;

e) Trường hợp nhập khẩu tham gia hội chợ, triển lãm phải bổ sung Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam;

g) Trường hợp nhập khẩu làm quà tặng phải bổ sung 01 bản sao giấy xác nhận giữa hai bên bằng tiếng nước ngoài kèm theo 01 bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật;

h) Trường hợp nhập khẩu để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, hồ sơ phải bổ sung bản sao (mang theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực của văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận chương trình, dự án đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc dự án được doanh nghiệp phê duyệt theo quy định của pháp luật;

i) Trường hợp nhập khẩu giống cây trồng để phục vụ dự án xây dựng đường giao thông phải bổ sung bản sao chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale - CFS) do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp hoặc bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ sau: Giấy công nhận giống cây trồng mới; Giấy xác nhận giống cây trồng không nằm trong Danh mục cấm sử dụng của nước xuất khẩu; Giấy chứng nhận khác có nội dung tương tự kèm theo bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật hoặc kết quả nghiên cứu, khảo nghiệm tại Việt Nam cho thấy giống cây trồng an toàn với môi trường.

2. Thời hạn giải quyết:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo để thương nhân hoàn thiện hồ sơ.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu theo Mẫu số 05/TT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp từ chối cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Thời hạn hiệu lực của giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.

4. Cơ quan thực hiện:

- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Bộ phận “một cửa” - Văn phòng Cục Trồng trọt.

- Website: www.cuctrongtrot.gov.vn

- Địa chỉ: Nhà A6A, Số 02 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội.

- Điện thoại: 024.3823.4651 Fax: 024.3734.4967.

- Email: tt@mard.gov.vn

Điều 4. Quy định về xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp

1. Đối với giống cây trồng lâm nghiệp thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài hoang dã nguy cấp (CITES), việc xuất khẩu thực hiện theo quy định

của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước CITES.

2. Thành phần hồ sơ đề nghị nhập khẩu giống cây lâm nghiệp:

a) Văn bản đề nghị nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 01/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Lý lịch giống cây trồng lâm nghiệp đề nghị nhập khẩu theo Mẫu số 02/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Các tài liệu liên quan như hợp đồng mua bán giống hoặc hợp đồng tặng cho giống cây trồng lâm nghiệp của đối tác;

d) Trường hợp nhập khẩu giống cây lâm nghiệp để trồng khảo nghiệm, trồng sản xuất thử nghiệm phải có hồ sơ thiết kế kỹ thuật trồng khảo nghiệm, trồng sản xuất thử nghiệm. Trường hợp nhập khẩu lần thứ hai trở đi để khảo nghiệm, sản xuất thử nghiệm phải nộp báo cáo kết quả nhập khẩu, khảo nghiệm, sản xuất thử nghiệm lần nhập trước;

đ) Trường hợp nhập khẩu giống cây lâm nghiệp để làm cây cảnh, cây bóng mát phải có văn bản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sở tại chấp thuận phương án và đề nghị cho nhập khẩu giống;

e) Trường hợp nhập khẩu phục vụ nghiên cứu, hợp tác quốc tế phải bổ sung 01 bản sao thỏa thuận hợp tác bằng tiếng nước ngoài kèm theo 01 bản dịch sang tiếng Việt có chữ ký xác nhận của cơ quan dịch thuật;

g) Trường hợp nhập khẩu tham gia hội chợ, triển lãm phải bổ sung Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam;

h) Trường hợp nhập khẩu làm quà tặng phải bổ sung 01 bản sao giấy xác nhận giữa hai bên bằng tiếng nước ngoài kèm theo 01 bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật;

i) Trường hợp nhập khẩu để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, hồ sơ phải bổ sung bản sao (mang theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực của văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận chương trình, dự án đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc dự án được doanh nghiệp phê duyệt theo quy định của pháp luật;

3. Thời hạn giải quyết:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo để thương nhân hoàn thiện hồ sơ.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép nhập khẩu theo Mẫu số 03/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp từ chối cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Thời hạn hiệu lực của giấy phép nhập khẩu không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.

5. Cơ quan thực hiện: Tổng cục Lâm nghiệp